TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128 /2019/HNGĐ - ST
Ngày: 06 - 6 - 2019
V/v: tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thọ

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà*:* Không tham gia

Ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2019, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

- *Bị đơn:* anh Hà Duyên S, sinh năm 1975 (vắng mặt lần thứ 2)

Nơi ĐKHKTT: Thôn 5, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2019, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duyên S tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đã đươc Ủy ban nhân dân xã X, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/3/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh nhiều

mâu thuẫn; Nguyên nhân do cuộc sống chung giữa vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm và thiếu sự tin tưởng nhau. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn.

Về con chung: chị T xác định vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là : Hà Duyên Việt A, sinh ngày 04/12/2006. Sau khi vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh Hà Duyên S trình bày trong các bản tự khai và trong các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải:

Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 09 năm . Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ấy được ly hôn với tôi thì tôi cũng đồng ý.

Về con chung: anh S xác định vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là : Hà Duyên Việt A, sinh ngày 04/12/2006. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị T, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản và công nợ: anh S xác định vợ chồng không có tài sản chung gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2019, cháu Hà Duyên Việt A, sinh ngày 04/ 12/2006 là con chung của chị Tâm và anh Sơn có trình bày là nếu Bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với Mẹ cháu.

Về tài sản và công nợ: chị T xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Hà Duyên S nhiều lần đến để tham gia phiên hòa giải nhưng anh Sơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. và nhiều lần triệu tập anh Sơn đến phiên tòa nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Hà Duyên S, có hộ khẩu thường trú tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T tại phiên tòa hôm nay có mặt; Bị đơn là anh Hà Duyên S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ

lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duyên S tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/3/2006, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2011, chị T và anh S đã sống ly thân, nay chị T yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với anh Sơn. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hà Duyên S.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duyên S xác định vợ chồng có 01 con chung; cháu tên là Hà Duyên Việt A, sinh ngày 04/ 12/2006; chị T và anh Sơn đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Việt A từ nhỏ đến nay đều ở với chị T, hơn nữa chị T tuy làm công nhân nhưng có mức thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi cháu Việt A ăn học nên giao cháu Việt A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên miễn xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duyên S xác định vợ chồng không có tài sản gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hà Duyên S.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Duyên Việt A, sinh ngày 04/12/2006; cho chị Tâm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. anh S không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001384 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Nguyễn Thị Tâm đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trọng Hiền

hàng tháng. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Tâm phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Tâm đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001384 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Nguyễn Thị Tâm đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN

Trịnh Văn Thọ Lưu Minh Sửu Nguyễn Trọng Hiền